

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2024

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Dậu, ông Sùng A Đông

- Thư ký phiên tòa: Ông Thào A Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2024/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXX- ST ngày 26 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thào Thị S - Sinh năm 1982

Nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã P, huyện C, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú hiện nay: Bản C, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Giàng A S - Sinh năm 1967

Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú hiện nay: Thôn D, xã P, huyện C, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (không có lý do).

3. *Người phiên dịch:* Ông Giàng A D – Sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn bà Thào Thị S trình bày:

Bà và ông S chung sống với nhau từ năm 2010 do sự tự nguyện của cả hai bên, hai người đăng ký kết hôn ngày 30/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện G, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn quá trình chung sống không có hạnh phúc, giữa hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn gia đình do bất đồng về quan điểm sống, hai người đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Được ly hôn với ông Giàng A S.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản, nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong văn bản ghi ý kiến bị đơn ông Giàng A S trình bày: Ông nhất trí với ý kiến của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, hai người không có con chung và hai người hiện nay đã sống ly thân từ năm 2022. Về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do nguyên đơn có hành vi ngoại tình với người đàn ông khác, nên ông không đồng ly hôn; Về tài sản, nợ không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn xin giải quyết vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định về việc được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp, các phiên tòa không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn; Về án phí đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chỉ có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý và nguyên đơn đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, nên đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa mở ngày 12/9/2024 Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự do bị đơn vắng mặt không có lý do.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn và Bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật, do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Thảo Thị S và ông Giàng A S là hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn xuất phát từ việc hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, một phần nguyên nhân do hai người không có con chung và hai người đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, hiện nguyên đơn đang sinh sống tại Bản C, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu còn bị đơn sinh sống tại Thôn D, xã P, huyện C, tỉnh Điện Biên.

Hội đồng xét xử thấy từ năm 2022 đến nay hai người sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng giữa hai người đến

nay không còn. Do đó xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Thào Thị S và ông Giàng A S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử thấy yêu cầu ly hôn của bà Thào Thị S là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận cho ly hôn.

[3] Về con chung: Hai người không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Thào Thị S được ly hôn với ông Giàng A S.

2. Về án phí: Nguyên đơn đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tòa Chùa;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- THADS huyện C;
- UBND xã X, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tòng Thị Lan